TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/DS-PT
Ngày: 28/12/2023
V/v tranh chấp tài sản trên đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lý Thị Đoàn
- *Các Thẩm phán*: Ông Nguyễn Quang Tuấn

Bà Hoàng Ngọc Liễu

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đỗ Thị Nhung –Thư ký TAND tỉnh Hoà Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình*:** Ông Phạm Văn Minh - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 40/2023/TLPT – DS ngày 28 tháng 11 năm 2023 về việc "tranh chấp tài sản trên đất"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 42/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Quách Văn T**, sinh năm 1968; Địa chỉ: Xóm Sỳ, xã Mỹ Thành, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. ĐT: 0367 835 914. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Bùi Văn S**, sinh năm 1975. ĐT: 0353 729 700.Vắng mặt.

Bà **Bùi Thị Vui**, sinh năm 1983. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Xóm Bây, xã Mỹ Thành, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ **Tổng Công ty E Việt Nam – Công ty Cổ phần**. Địa chỉ: Số 127, Lò Đúc, phường Đống Mác, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quốc Khánh – Tổng giám đốc. Chi nhánh Tổng công ty E Việt Nam – Công ty Cổ phần – Công ty E Hòa Bình. Trụ sở: Tổ 07, phường Kỳ Sơn, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình do ông **Bùi Văn Hùng** – Đội trưởng đội E Tân Lạc – Lạc Sơn đại diện theo ủy quyền. ĐT: 098 239 1264. Có mặt

+ Ông **Hà Văn Mạnh**, sinh năm 1977; Chỗ ở hiện tại: Xóm Đồi Cả, xã Mỹ Thành, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. ĐT: 0974 612 150. Có mặt.

Người kháng cáo: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn Mạnh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm nội dung thể hiện như sau:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/07/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Quách Văn T trình bày:

Tháng 4/2015, ông T ký hợp đồng hợp tác trồng rừng nguyên liệu với Công ty E Việt Nam- Công ty cổ phần- Công ty E Hoà Bình (Sau đây gọi tắt là Công ty E Hoà Bình). Tổngdiện tích theo hợp đồng là 13,8ha và ông T đã tiến hành trồng rừng theo đúng hợp đồng. Tháng 7/2015, ông T phát hiện ông S và bà Vuitrồng vào phần đất trên với tổng diện tích 4,6ha. Ngay thời điểm đó, ông T có mời Lâm Trường vào để chứng kiến sự việc trên. Sau đó,UBND xã Mỹ Thành đã hoà giải và đề nghị ông S ký lại với Công ty E Hoà Bìnhsố đất 4,6 ha nhưng ông S không nhất trí ký. Ông T có đề nghị với ông S về phần cây trồng xen lấn vào đất ông T đã ký hợp đồng với Công ty E Hoà Bình, ông T sẽ hỗ trợ 02 triệu đồng cho ông S ông S nhất trí. Nhưng sau đó, ông T đem tiền cho ông S thì ông S không nhận và từ đó ông S vẫn làm cỏ diện tích đất cây ông S đã trồng. Nay ông T khởi kiện yêu cầuông S, bà Vuiphải tôn trọng quyền khai thác cây của ông T trồng trên đất ông ký hợp đồng hợp tác trồng rừng với Công ty E Hoà Bình.

Ý kiến của bị đơn: Quá trình hoà giải và tại phiên toà sơ thẩm, ông T và ông S, bà Vui (em gái ông S), ông Mạnh (chồng bà Vui) thoả thuận: Ông S, bà Vui, ông Mạnh trả cho ông T 40.000.000đ và gia đình ông S được quyền khai thác toàn bộ diện tích cây còn lại trên phần đất ông T đã ký hợp đồng hợp tác trồng rừng với Công ty E Hoà Bình và gia đình ông S sẽ có trách nhiệm toàn bộ sản phẩm với Công ty.

Quan điểm của Công ty E Hoà Bình, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Bùi Văn Hùng- Đội trưởng đội E Tân Lạc- Lạc Sơn trình bày:

Ông Quách Văn T có ký hợp đồng trồng rừng với Công ty E Hoà Bình thuộc phần đất thuộc tiểu khu 246, khoảnh 15 lô 1, 2, 3 tổng diện tích 13,8m2 tại xóm Bây, xã Mỹ Thành và Công ty đã cung cấp vốn đầy đủ cho ông T. Khi có xảy ra tranh chấp, từ năm 2018UBND xã Mỹ Thành đã hoà giải nhiều lần nhưng không thành. Trong các buổi làm việc tại UBND xã, đã thống nhất không được bên nào khai thác trên diện tích đất đang tranh chấp, tuy nhiên gia đình ông S vẫn khai thác 0,7ha. Quan điểm của Công ty E là hợp đồng giữa Công ty với ông

T là hợp đồng có hiệu lực và Công ty chỉ làm việc với ông T. Tuy nhiên, quá trình hoà giải các bên đã nhất trí phương án ông S, bà Vui, ông Mạnh sẽ thanh toán cho ông T 40.000.000đ và ông S, bà Vui, ông Mạnh sẽ được quyền khai thác toàn bộ keo còn lại trên đất và có trách nhiệm thanh toán toàn bộ các chi phí với Công ty E. Công ty nhất trí với phương án hoà giải nêu trên và yêu cầu ông S, bà Vui, ông Mạnh thanh toán cho Công ty E Hòa Bìnhtoàn bộ chi phí thu hồi sản phẩm theo hợp đồng theo tính toán cụ thể, hộ ông Quách Văn T: Diện tích đã thu 7,7ha, số tiền đã thu 229.086.000 đồng; còn phải thu 6,1ha, số tiền còn phải thu 181.871.500 đồng.

Tại phiên toà sơ thẩm, Công ty chỉ yêu cầu ông S, bà Vui, ông Mạnh thanh toán *122.678.283đ (Một trăm hai mươi hai triệu, sáu trăm bảy mươi tám nghìn, hai trăm tám mươi ba đồng)*, do ông S, bà Vui, ông Mạnh không nhận tiền đầu tư từ Công ty. Tiền đầu tư giữa Công ty E Hoà Bình với ông T theo hợp đồng, Công ty và ông T sẽ tự thoả thuận.

Ông S, bà Vui không nhất trí trả theo giá Công ty E Hòa Bình đưa ra. Ông Mạnh trình bày quan điểm chỉ nộp thuế cho nhà nước theo luật đất đai và không nhất trí trả tiền cho Công ty E Hòa Bình.

*** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình Quyết định:**

- Khoản 2 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1, 2 Điều 75 Luật đất đai 2003; điểm a khoản 2 Điều 135 Luật Đất đai 2013.

- Điều 122 Bộ luật dân sự 2005; Điều 370; Điều 372; Điều 401;Điều 504Bộ luật dân sự 2015;

- Nghị định số 01/1995/NĐ- CP ngày 04/01/1995; Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005; Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ;

- Điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận sự thoả thuận tự nguyện giữa các bên đương sự: ông Bùi Văn S, bà Bùi Thị Vui và ông Hà Văn Mạnh sẽ thanh toán cho ông T 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) là toàn bộ giá trị cây keo trên đất ông T đã trồng và ông S, bà Vui, ông Mạnh sẽ được quyền khai thác toàn bộ keo còn lại trên đất thuộc tiểu khu 246, khoảnh 15 lô 1, 2, 3 tại xóm Bây, xã Mỹ Thành.

2. *Về nghĩa vụ trả nợ sản phẩm*: Chấp nhận yêu cầu của Công ty E Hòa Bình, buộc ông S, bà Vui, ông Mạnh liên đới thanh toán cho Công ty E Hòa

Bình số tiền *122.678.283đ (Một trăm hai mươi hai triệu, sáu trăm bảy mươi tám nghìn, hai trăm tám mươi ba đồng)* là toàn bộ chi phí thu hồi sản phẩm theo hợp đồng giữa ông T với Công ty E Hoà Bình tương ứng với 6,1ha còn chưa khai thác trên phần đất ông T đã ký hợp đồng hợp tác trồng rừng với Công ty E Hoà Bình.

*Về quyền sử dụng đất khi thanh lý, chấm dứt hợp đồng:*Buộc ông Bùi Văn S; bà Bùi Thị Vui và ông Hà Văn Mạnh khai thác cây và trả lại cho Công ty E Hoà Bình toàn bộ diện tích đất xác định hiện trạng theo Trích đo địa chính của Công ty Quảng Phúc lập ngày 14/10/2022đính kèm bản án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/10/2023 ông Hà Văn Mạnh có đơn kháng cáo một phần bản án, với lý do Công ty E không có hợp đồng với ông nên ông không đồng ý trả sản phẩm cho Công Ty.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn Mạnh giữ nguyên kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Cấp sơ thẩm thông báo thụ lý giải quyết tranh chấp về tài sản trên đất là không đúng với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả lại đất, việc thụ lý giải quyết yêu cầu độc lập của Công ty E Hòa Bình không có căn cứ pháp luật, quá trình giải quyết không lấy lời khai của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, không thu thập tài liệu chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án là thiếu sót và việc tuyên buộc ông S, bà Vui, ông Mạnh liên đới thanh toán cho Công ty E Hòa Bình số tiền 122.678.283 đồng là không có căn cứ pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật TTDS hủy bản án sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm, do bản án bị hủy nên nội dung kháng cáo của ông Hà Văn Mạnh sẽ được xem xét ở cấp sơ thẩm, ông Mạnh không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Kháng cáo của ông Hà Văn Mạnh ngày 12/10/2023 gửi đến Tòa án trong thời gian luật định và hợp lệ.

[2] Xét kháng cáo của Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn Mạnh kháng cáo một phần bản án về việc ông không đồng ý trả sản phẩm cho Công Ty E:

Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm còn có những thiếu sót, vi phạm, cụ thể:

Đối với yêu cầu khởi kiện: Ngày 10/7/2022 ông Quách Văn T có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn với yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết "buộc anh S, chị vui phải trả lại đất" mà ông đã ký hợp đồng trồng rừng với Lâm trường; ngày 19/7/2022 Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn ban hành giấy xác nhận đã nhận đơn khởi kiện, đồng thời ban hành Thông báo về việc thụ lý vụ án với yêu cầu giải quyết của nguyên đơn là "Tranh chấp tài sản trên đất". Như vậy, việc thụ lý vụ án để giải quyết là không đúng với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Quách Văn T. Vi phạm điểm d khoản 2 Điều 196 Bộ luật TTDS.

Tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ (BL số 84,85) ngày 14/8/2023 thể hiện: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thay đổi, bổ sung gì thêm, đề nghị Tòa án giải quyết "buộc anh S, chị vui phải trả lại đất" mà ông T đã ký hợp đồng trồng rừng với Lâm trường. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty E Hòa Bình có yêu cầu người khai thác cây và hưởng lợi phải trả lại đất và thanh toán toàn bộ giá trị thu hồi sản phẩm với Lâm trường, tuy nhiên các chữ trong biên bản có sự tẩy xóa để viết thêm là (hưởng lợi phải trả lại đất và thanh toán toàn) không có xác nhận của những người tham gia, nên yêu cầu của Công ty E Hòa Bình được viết thêm này không có giá trị. Đồng thời theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật tố tụng dân sự thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền đưa ra yêu cầu độc lập trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Nên yêu cầu độc lập của Công ty E Hòa Bình được đưa ra tại phiên họp này là không có căn cứ để chấp nhận giải quyết. Theo quy định tại Điều 202 BLTTDS thì thủ tục yêu cầu độc lập được thực hiện theo quy định của Bộ luật này về thủ tục khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án cũng không có đơn yêu cầu độc lập của Công ty E Hòa Bình. Vì vậy, Tòa án sơ thẩm thụ lý giải quyết yêu cầu độc lập của Công ty E Hòa Bình là không có căn cứ pháp luật.

Ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án sơ thẩm cũng không lấy lời khai của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, không thu thập chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án, để làm rõ nội dung cần giải quyết như: Công ty E Hòa Bình khi giao đất cho ông T thì có bàn giao trên thực địa hay không, có biên bản bản bàn giao hay không, tại thời điểm giao đất thì trên phần đất hiện nay đang tranh chấp ông S, bà Vui, ông Mạnh đã trồng cây trên phần đất này chưa, hoặc đã trồng cây từ thời gian nào. Theo lời khai của ông T thì ông phát hiện phần đất của ông bị gia đình ông S trồng vào tháng 7/2015 và đã thông báo với Lâm trường để giải quyết. Tuy nhiên trong hồ sơ thể hiện năm 2018 mới có việc giải quyết tranh chấp này, nên cần được làm rõ để làm căn cứ giải quyết vụ án, vi phạm Điều 98 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với quyết định của bản án sơ thẩm buộc ông S, bà Vui, ông Mạnh liên đới thanh toán cho Công ty E Hòa Bình số tiền: 122.678.283 đồng là toàn bộ chi phí thu hồi sản phẩm theo hợp đồng giữa ông T với Công ty E Hòa Bình tương ứng với 6,1ha còn chưa khai thác trên phần đất ông T đã ký hợp đồng hợp tác trồng rừng với Công ty E Hòa Bình cũng không có căn cứ pháp luật, bởi vì: Phần đất ông S, bà Vui, ông Mạnh trồng cây đang tranh chấp đã được Công ty E Hòa Bình giao cho ông T, nên Công ty E Hòa Bình không có quyền đối với yêu cầu này.

Đối với sự thỏa thuận của các đương sự: ông Bùi Văn S, bà Bùi Thị Vui và ông Hà Văn Mạnh sẽ thanh toán cho ông T 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) là toàn bộ giá trị cây keo trên đất ông T đã trồng và ông S, bà Vui, ông Mạnh sẽ được quyền khai thác toàn bộ keo còn lại trên đất thuộc tiểu khu 246, khoảnh 15 lô 1, 2, 3 tại xóm Bây, xã Mỹ Thành. Xét việc thỏa thuận này có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Công ty E Hòa Bình do vậy sự thỏa thuận trên là chưa bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty E Hòa Bình.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn chưa tuyên trả lại ông T với số tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp 300.000 đồng tại (BL số 59) là vi phạm Điều 144 Bộ luật TTDS quy định về xử lý tiền tạm ứng án phí.

Từ những phân tích nêu trên xét thấy, việc thu thập chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm là chưa đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được, đồng thời bản án sơ thẩm còn vi phạm nghiêm trọng về tố tụng gây ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự, nên cần huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện Lạc Sơn và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Do bản án sơ thẩm bị hủy nên nội dung kháng cáo của ông Hà Văn Mạnh sẽ được xem xét ở cấp sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hà Văn Mạnh không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ quốc hội;

[1] Chấp nhận kháng cáo của Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn Mạnh.

[2] Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về án phí:

-Trả lại cho ông Hà Văn Mạnh 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0002146 ngày 27/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Về án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác được xác định khi Tòa án giải quyết lại vụ án.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND cấp cao tại HN*
- *VKSND cấp cao tại HN*
- *VKSND tỉnh Hòa Bình*
- *TAND huyện Lạc Sơn, tỉnh HB*
- *Chi cục THADS huyện Lạc Sơn, tỉnh HB*
- *Các đương sự*
- *Lưu HS*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Thị Đoàn